

Bản án số: 222/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2025

V/v “Ly hôn giữa ông T và bà Tr”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Nguyễn Phúc Hậu

2. Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Cán bộ Toà án nhân dân

QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T – sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 1570/115 Đường V, Phường 7, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Tr – sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 1570/115 Đường V, Phường 7, QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 09/9/2024 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Bích Tr tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân Phường 7, QUẬN X, TP.H cấp ngày 09/5/2016.

Sau khi kết hôn ông và bà Tr chung sống tại nhà gia đình ông ở số 1570/115 Võ Văn Kiệt, Phường 7, QUẬN X. Trong cuộc sống vợ chồng có những xích mích cãi vã nhau về cách chăm sóc con cái và cách cư xử hàng ngày. Từ đó, ông mất dần tình cảm với bà Tr. Vào tháng 11/2021 do không còn tình cảm vợ chồng với bà Tr, nên ông đã ra ngoài thuê nhà trọ sống một mình và sống ly thân với bà Tr từ đó đến nay, thỉnh thoảng ông có về nhà thăm cha mẹ chứ không ngủ lại. Năm 2022 ông có nộp đơn ly hôn với bà Tr và Tòa án nhân dân QUẬN X đã xét xử theo bản án số 151/2023/HNGĐ-ST ngày 21/3/2023

không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông. Sau khi yêu cầu ly hôn không được chấp nhận, ông không có liên lạc gì với bà Tr vì không còn quan tâm bà Tr, phía bà Tr có 1-2 lần nhắn tin cho ông nhưng ông không trả lời. Hiện nay, ông xác định không có quan hệ tình cảm với người khác và cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Tr do ông xác định không còn tình cảm với bà Tr, nên giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Tr để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông T và bà Tr có 02 con chung tên Trần Tuấn T, sinh ngày 01/5/2017 và Trần Tuấn P, sinh ngày 08/8/2019, ông T đồng ý để bà Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con, ông T cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000đồng/tháng (mỗi trẻ là 1.500.000 đồng/tháng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Tr trình bày: quá trình chung sống bà và ông T không có mâu thuẫn. Vào thời điểm tháng 9/2021 bà Tr biết được ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong thời gian cách lý do dịch covid. Sau khi về nhà, ông T đi thuê nhà trọ ở, thỉnh thoảng có ghé nhà, nhưng không quan tâm gì đến vợ con. Bà Tr đã nhiều lần khuyên nhủ, thuyết phục ông T quay về với gia đình nhưng ông T không về. Năm 2022 ông T đã nộp đơn ly hôn và Tòa án nhân dân QUẬN X đã xét xử theo bản án số 151/2023/HNGĐ-ST ngày 21/3/2023 không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Từ năm 2023, mặc dù ông T không về nhà sống nhưng bà Tr vẫn cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhiều lần nhắn tin gọi điện thoại kêu ông T về nhà nhưng ông T vẫn không về, không trả lời tin nhắn, không nghe điện thoại. Nay bà Tr không đồng ý ly hôn vì vẫn còn rất yêu thương chồng, bản thân bà Tr không có lỗi gì với chồng và gia đình chồng, cha mẹ chồng cũng yêu thương bà Tr và không muốn vợ chồng bà ly hôn, đồng thời hiện nay hai con còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của cả hai vợ chồng bà. Hiện tại, một mình bà Tr phải chăm sóc cha mẹ chồng và 02 con, cha chồng đang bị bệnh về cột sống, phải nằm bệnh viện mổ, mẹ chồng không thể buôn bán phụ giúp gia đình do phải chăm cha chồng trong bệnh viện, 02 con nhỏ thì phải ăn học, toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà Tr đi làm lo liệu, ông T không hề gửi tiền về phụ giúp bà Tr. Bà Tr cũng đã thông báo tình hình sức khỏe của cha chồng cho ông T, nhưng ông T không về thăm, viện phí của cha chồng cũng do một mình bà Tr chi trả. Từ tháng 01/2025 đến nay ông T không về nhà thăm cha mẹ, các con. Mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nhưng bà xác định vẫn còn tình cảm, còn thương ông T nên vẫn muốn cho ông T cơ hội quay về gia đình để hàn gắn tình cảm gia đình, cho con có đầy đủ cha mẹ, cùng nhau chăm sóc cha mẹ và các con, xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó bà không đồng ý ly hôn với ông Trần Thanh T.

Về con chung: Ông T và bà Tr có 02 con chung tên Trần Tuấn T, sinh ngày 01/5/2017 và Trần Tuấn P, sinh ngày 08/8/2019. Trường hợp Tòa xử cho ly hôn thì bà Tr yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000đồng/tháng (mỗi trẻ là 1.500.000đồng/tháng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Tr, đề nghị giao con chung cho bà Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng

(mỗi trẻ là 1.500.000đồng/tháng). Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Tr không đồng ý ly hôn với ông Trần Thanh T. Trường hợp Tòa xử cho ly hôn thì bà Tr đồng ý nhận nuôi dưỡng hai con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000đồng/tháng (mỗi trẻ là 1.500.000đồng/tháng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định... của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, theo lời trình bày của ông T tại đơn xin ly hôn và tại phiên tòa thì ông T và bà Tr sống không hòa thuận, phát sinh nhiều thuẫn không hàn gắn được, hai bên đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay và đã không có sự liên lạc với nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Tr cho rằng hai bên chung sống không có mâu thuẫn nhưng từ khi ông T ra ngoài thuê nhà trọ để ở, ông T cũng không liên lạc với bà, ít khi về nhà cũng không có trách nhiệm chăm sóc nuôi dạy các con, vì vậy ông T xin ly hôn bà không đồng ý. Bà Tr cũng không đưa ra được phương án đoàn tụ. Từ năm 2023 khi Tòa án nhân dân QUẬN X xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đến nay, cả hai vẫn sống riêng như vậy. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Trần Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Tr; Về con chung giao 02 con chung tên Trần Tuấn T, sinh ngày 01/5/2017 và Trần Tuấn P, sinh ngày 08/8/2019. Buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000đồng/tháng (mỗi trẻ là 1.500.000đồng/tháng). Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác định không có. Về án phí, ông T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của ông Trần Thanh T thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Thanh T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Tr có nơi cư trú tại QUẬN X nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích Tr có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 11/2021, do cách cư xử hàng ngày mà tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, do không hàn gắn được nên ông đã ra ngoài thuê nhà trọ để sống cho đến nay, năm 2022 ông đã nộp đơn xin ly hôn với bà Tr nhưng không được Tòa án chấp nhận, từ đó đến nay ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm nhau, ông xác định không còn tình cảm với bà Tr nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Nguyễn Thị Bích Tr.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Tr không đồng ý ly hôn với ông Trần Thanh T vì bà cho rằng hai bên không có mâu thuẫn và bà không muốn xáo trộn cuộc sống của các con, bà không có lỗi gì với chồng và gia đình chồng, bà luôn mong muốn gia đình đoàn tụ để con có đầy đủ cha mẹ. Mặc dù ông T sống không có trách nhiệm với gia đình nhưng bà vẫn luôn tha thứ và mong ông suy nghĩ lại để về cùng bà chăm lo cho cha mẹ và các con còn quá nhỏ. Bà không đồng ý ly hôn với ông T vì muốn hàn gắn gia đình.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì từ tháng 11/2021 sau khi ông T dọn ra ngoài thuê phòng trọ đến nay, bà Tr cũng không biết được địa chỉ chỗ ở trọ của ông T, vào tháng 3/2023 sau khi Tòa án nhân dân QUẬN X xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T thì từ đó đến nay giữa hai bên vẫn sống riêng, ông T rất ít khi về nhà, bà Tr có liên lạc gọi điện thoại thì ông T vẫn không trả lời. Bà Tr vẫn sống cùng cha mẹ chồng, ông T vẫn thuê nhà trọ bên ngoài để sống. Cả hai đã không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Bà Tr trình bày hai bên không có mâu thuẫn, chỉ do ông T tự ý sống ly thân và không liên lạc về với gia đình, bà sống không có lỗi với chồng và gia đình đồng, kinh tế gia đình hiện nay chỉ một mình bà lo toan, ông T không hề chu cấp phụ giúp gia đình nuôi con. Bà vẫn bỏ qua và mong ông T quay về để gia đình đoàn tụ cùng nuôi dạy các con.

Xét thấy từ ngày 21/3/2023 sau khi Tòa án nhân dân QUẬN X xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh T thì đến nay hai bên vẫn sống riêng, mặc dù bà Tr sống cùng cha mẹ ông T nhưng ông T rất ít khi về thăm gia đình, bà Tr không có phương án nào hàn gắn gia đình, từ khi ông T dọn ra ngoài sống đến nay bà Tr không liên lạc được với ông T, cũng không biết hiện nay ông T sống ở đâu. Tại phiên tòa hôm nay ông T trình bày lý do thời gian qua ông không về nhà thăm cha mẹ vì ông không muốn nhìn thấy bà Tr, ông cho rằng ông không còn tình cảm với bà Tr nên không có gì để liên lạc với nhau, thậm chí ông còn trình bày nếu phiên tòa hôm nay hội đồng xét xử không cho ông ly hôn ông sẽ nộp đơn ly hôn cho

đến khi nào Tòa án cho ông ly hôn thì thôi, chứng tỏ ông T không mong muốn hàn gắn gia đình, sự hàn gắn chỉ xuất phát từ lời trình bày của bà Tr thì không thể hàn gắn gia đình được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn được.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim Em là mẹ của ông Trần Thanh T cũng xác nhận từ mấy tháng nay ông T không về thăm cha mẹ cũng như các con, ông T

sống có lỗi với gia đình nhưng gia đình không khuyến bảo được. Tại phiên tòa hôm nay khi nghe những lời trình bày của ông T về không còn tình cảm với bà Tr, không muốn nhìn thấy mặt bà Tr khi về nhà cha mẹ, bà rất đau lòng bà đã khuyên bà Tr nên đồng ý ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống, không còn là con dâu thì bà xem bà Tr là con gái và cứ sống cùng gia đình bà để nuôi dạy các con.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[5]. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Tuấn T, sinh ngày 01/5/2017 và Trần Tuấn P, sinh ngày 08/8/2019.

Trong quá trình giải quyết bà Tr yêu cầu trong trường hợp Tòa án xử cho ông T ly hôn với bà thì bà yêu cầu được nhận nuôi 02 con và ông T phải cấp dưỡng nuôi hai con là 10.000.000đồng/tháng (mỗi trẻ là 5.000.000đồng/tháng). Tại phiên tòa hôm nay bà Tr đồng ý nhận nuôi 2 con và chỉ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000đồng/tháng (mỗi trẻ là 1.500.000đồng/tháng) vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2025 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi.

Ông T đồng ý giao hai con cho bà Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000đồng/tháng (mỗi trẻ là 1.500.000đồng/tháng) vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2025 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bên về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác định không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quyền kháng cáo: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích Tr được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích Tr

(Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân Phường 7, QUẬN X, THÀNH PHỐ H cấp ngày 09/5/2016 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận giữa hai bên giao hai con chung tên Trần Tuấn T, sinh ngày 01/5/2017 và Trần Tuấn P, sinh ngày 08/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Bích Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trần Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, mỗi trẻ là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng, vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2025 cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Bích Tr phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ông Trần Thanh T khi đến thăm con chung. Vì quyền và lợi ích của con cái, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bích Tr có đơn yêu cầu thi hành án nếu hàng tháng ông Trần Thanh T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông Trần Thanh T còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích Tr khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng ông Trần Thanh T phải chịu; nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010210 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

Ông Trần Thanh T còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.H;
- VKSND TP.H;
- VKSND Q.X;
- CCTHADS Q.X;
- UBND Phường 7, QUẬN X;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Thu